SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO & DU LỊCH NGHỆ AN
BAN QUẢN LÝ DI TÍCH - DANH THẮNG

LÍ LỊCH DI TÍCH
NHÀ THỜ NGUYỄN VĂN ĐẠI TÔN

Xã Long Thành – huyện Yên Thành – tỉnh Nghệ An

* * *

LẬP NĂM 2012

1. TÊN GỌI DI TÍCH

- Tên thường gọi: **Nhà thờ họ Nguyễn Văn Đại tôn.**

Nhà thờ được xây dựng nên để thờ vị thuỷ tổ và các vị tiên tổ họ Nguyễn Văn làng Điện Yên, xã Long Thành, huyện Yên Thành nên gọi là nhà thờ họ Nguyễn Văn Đại tôn.

- Tên gọi khác: Không

2. ĐỊA ĐIỂM VÀ ĐƯỜNG ĐI ĐẾN DI TÍCH:

a. Địa điểm di tích:

Nhà thờ họ Nguyễn Văn Đại tôn hiện nay thuộc xóm Bắc Yên, xã Long Thành, huyện Yên Thành. Từ khi xây dựng cho đến nay vẫn giữ nguyên xưa vị trí ban đầu, nhưng địa danh có sự thay đổi qua các thời kỳ như sau:

- Thời hậu Lê (1533 - 1788), di tích thuộc làng Bảo Sàng, xã Nguyên Xá[1], tổng Quan Trung, phủ Diễn Châu.

- Thời Nguyễn (1802 - 1945), làng Bảo Sàng đổi thành làng Bảo Hựu, rồi làng Bảo Hựu đổi thành làng Điện Yên. Di tích thuộc làng Điện Yên, xã Nguyên Xá, huyện Đông Thành, phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Sau Cách mạng tháng 8/1945, huyện Yên Thành chia thành 24 xã. Di tích thuộc địa phận xã Quan Thái, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Năm 1948, hợp nhất 2 xã Văn Hoá và Quan Thái thành xã Tiên Long. Cuối năm 1953, xã Tiên Long tách thành 3 xã: *Vĩnh Thành, Tiên Thành và Long Thành*. Di tích thuộc làng Điện Yên, xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Từ năm 1969 đến nay, làng Điện Yên chia thành các xóm: Bắc Yên, Tây Yên, Đông Yên. Di tích thuộc xóm Bắc Yên, xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

b. Đường đi đến di tích:

Đến thăm nhà thờ họ Nguyễn Văn Đại tôn, quý khách có thể đi bằng nhiều phương tiện giao thông đường bộ, theo các tuyến sau:

- Xuất phát từ Trung tâm thành phố Vinh, du khách đi theo quốc lộ 1A *(tuyến Vinh – Diễn Châu)*, đến ngã ba Diễn Châu, du khách rẽ trái đi theo quốc lộ 7 khoảng 12km, gặp đường 534 đi tiếp 8km, đến Đài tưởng niệm Liệt sỹ xã Long Thành, rẽ trái đi theo đường liên xóm khoảng 800m nữa là đến di tích.

- Xuất phát từ Hà Nội, du khách đi theo đường quốc lộ 1A *(tuyến Hà Nội – Vinh)*, đến ngã ba Diễn Châu, đi theo chỉ dẫn như trên là đến di tích.

---

[1] Tên làng xã Việt Nam, Viện nghiên cứu Hán Nôm, Nxb Khoa học Xã hội 1981 – Trang 105.

3. PHÂN LOẠI DI TÍCH:

Căn cứ vào tiêu chí quy định tại khoản 9 điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật DSVH và điều 11, Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010; kết quả khảo sát, nghiên cứu tại di tích, nhà thờ họ Nguyễn Văn Đại tôn thuộc loại hình: Di tích Lịch sử.

4. NHÂN VẬT, SỰ KIỆN VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DI TÍCH:

A. NHÂN VẬT:

Nhà thờ họ Nguyễn Văn Đại tôn được xây dựng hàng trăm năm, là nơi thờ thuỷ tổ Nguyễn Văn Nhậm cùng các vị tổ tiên trong dòng họ, trong đó có một số người có công với dân với nước, tiêu biểu như. Nguyễn Phán, Nguyễn Văn Quán, Nguyễn Văn Diên, Nguyễn Văn Trương...

a, Nguyễn Văn Nhậm *(huý Nguyễn Thế Nhậm)*:

Căn cứ vào gia phả dòng họ Nguyễn Văn đại tôn và sách "Tục thờ thần và thần tích Nghệ An"[2] chép: "*Làng Điện Yên xã Long Thành thờ thần khai cơ Nguyễn Thế Nhậm, khẩn điển sứ*"[3]. Ông tự Sàng Đạo, sinh năm Nhâm Dần *(1362)* tại trấn Hải Dương *(nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên)* trong một gia đình nhà Nho, từ nhỏ đã bộc lộ là người thông minh, lại chăm chỉ học tập, giỏi về Kinh sử. Đến năm 26 tuổi, đời vua Trần Thuận Tông *(1388 - 1398)*, ông đi thi và đậu Hương cống[4]. Đỗ đạt nhưng ông không ra làm quan mà cùng gia quyến từ trấn Hải Dương di cư vào làng Bảo Sàng *(trấn Nghệ An)* để khai cơ lập cơ nghiệp.

Lúc bấy giờ, làng Bảo Sàng dân cư còn thưa thớt, đất ruộng thường bị ngập mặn nên rất khó canh tác. Là một người có tài học rộng, nghiên cứu nhiều, Nguyễn Văn Nhậm nhận thấy vùng đất này có sông Thạng (*một nhánh của sông Điển*) chảy qua, nếu chặn được dòng để dẫn nước vào không những giúp thau chua rửa mặn, mà còn có nước tưới cho đồng ruộng. Ông đứng ra tổ chức huy động bà con nhân dân đắp đập dẫn nước ngọt từ sông Điển chảy về (*gọi là đập Thạng dưới*). Sau đó, ông tiếp tục huy động nhân dân đào kênh để dẫn nước ngọt từ đó về thau chua rửa mặn, tưới tiêu cho đồng ruộng. Sau khi đắp "*đập Thạng dưới*" thành công, ông còn chỉ đạo đắp "*đập Thạng trên*" để giữ nước tưới cho các đồng ruộng. Nhờ vậy, nhiều vùng đất bị bỏ hoang, không canh tác được thì nay đã trải một màu xanh của lúa, ngô, khoai... Đất canh tác được mở rộng, diện tích đất gieo trồng tăng, mùa màng tốt tươi, đời sống nhân dân ngày một no ấm.

---

[2] Tục thờ thần và thần tích Nghệ An, P.GS Ninh Viết Giao, Nxb Nghệ An 2000 – Trang 491.

[3]. Gia phả họ Nguyễn đại tôn tập 1, hiện lưu tại nhà thờ họ Nguyễn đại tôn.

[4] Hiệu bụt ở bài vị của ông Nguyễn Thế Nhậm viết *"Đệ nhất thế tổ cao cao cao tổ khảo tiền hương cống Đại Việt, Triệu cơ, Nguyễn thứ công huý Thế Nhậm, phủ quân thần linh vị tiền"*.

Bên cạnh việc tổ chức sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, ông còn chăm lo chiêu tập dân các nơi về sinh cơ lập nghiệp, mở rộng xóm làng. Khi xóm làng ngày một đông đúc, ông lại cùng bà con tổ chức mở chợ Xuân để cho nhân dân có chỗ buôn bán làm ăn, rồi lập thêm các làng Cồn Cờ, Đồng Bùn... Để việc đi lại được thuận lợi, ông cũng tổ chức cho bà con làm đường sá, cầu cống...

Vùng đất Bảo Sàng khi Nguyễn Văn Nhậm mới về là đồng ruộng khô cằn, đất đai bị bỏ hoang do nhiễm mặn thì nay đã thành một vùng đất màu mỡ trải dài từ xã Bắc Thành, Trung Thành, Nam Thành, Xuân Thành, Khánh Thành đến sông Điển , tức là tổng diện tích 9 thôn của làng Bảo Sàng xưa: Bắc Thạng, Nam Thạng, Đông Thạng, Tây Thạng, Giáp Vạn, Vạn Ngói, Kẻ Ngu, Tiên Hồ, Tiên Thành.[5]

Đập Thạng trên, đập Thạng dưới gắn liền với công lao của ông Nguyễn Văn Nhậm. Chính vì vậy, nhân dân thường gọi tên ông bà là ông Thạng bà Thạng[6].

Là vùng đất mới được khai hoang, dân tứ xứ theo về quần tụ, làng mới thành lập, cần cải tạo về nề nếp kỷ cương, xây dựng thuần phong mỹ tục. Ông Nguyễn Văn Nhậm đã cùng bà con nhân dân xây dựng quy ước trong sản xuất, khuyến khích chăn nuôi làm vườn, khuyên làm việc thiện... Khi cuộc sống đi vào ổn định, ông lại bắt đầu sự nghiệp dạy học trên mảnh đất này. Với vốn kiến thức ông có được, tuy chỉ mới đạt danh vị Hương cống nhưng nghe tiếng ông là người học giỏi, nhiệt huyết nên học trò khắp nơi về theo học rất đông. Ngoài ra, ông còn (là thầy) làm thuốc giúp dân chữa trị nhiều căn bệnh hiểm nghèo, nên đương thời y danh của ông nổi tiếng khắp vùng.

Năm Nhâm Tuất *(1442)* do tuổi sao sức yếu, ông lâm bệnh qua đời vào ngày 13/7, hưởng thọ 81 tuổi. Để tưởng nhớ công lao đức thế tổ họ Nguyễn Văn Đại tôn, nhân dân làng Điện Yên tôn ông làm Thành Hoàng làng và lập đền Nhà Ông thờ phụng. Năm 1478, vua Lê Thánh Tông đã ban sắc phong cho ông là *"Đoan túc tôn thần"*. Ông còn được nhân dân gọi là *"Triệu cơ Sàng đạo"*[7] hay "*Đạo Sàng*".

Năm 1778, đền Nhà Ông thờ thuỷ tổ Nguyễn Văn Nhậm bị xuống cấp, hư hỏng, không có điều kiện tu bổ, phục hồi. Đến năm 1780, con cháu xây dựng nhà thờ trên mảnh đất ông khai cơ để làm nơi thờ tự và tri ân vị thuỷ tổ của dòng họ Nguyễn Văn Đại tôn và con cháu đã xin rước long ngai, bài vị ở đền về thờ tự tại nhà thờ họ Nguyễn Văn Đại tôn cùng các hậu duệ của ông.

b, Nguyễn Phán:

---

[5] Bản đồ của Sở Địa chính đo đạc năm 1932

[6] Gia phả họ Nguyễn đại tôn tập 1, hiện lưu tại nhà thờ họ Nguyễn đại tôn.

[7] Hiệu bụt ở bài vị của ông Nguyễn Thế Nhậm viết *"Đệ nhất thế tổ cao cao cao tổ khảo tiền hương cống Đại Việt, Triệu cơ, Nguyễn thứ công huý Thế Nhậm, phú quân thần linh vị tiền"*.

Ông Nguyễn Phán tự là Doãn Ban, sau được vua Quang Toản đổi sang là Quang Phán. Ông sinh năm Nhâm Ngọ *(1762)*, là thế hệ thứ 15 của dòng họ Nguyễn Văn Đại tôn tại làng Bảo Sàng, xã Nguyên Xá, huyện Đông Thành, phủ Diễn Châu *(nay làng Điện Yên, xã Long Thành, huyện Yên Thành, Nghệ An).*

Gia phả họ Nguyễn Văn Đại tôn viết: Nguyễn Phán sinh ra trong gia đình Nho giáo, Cha là thầy đồ dạy học tại trường làng, nhận được sự giáo dưỡng chu đáo từ gia đình. Ngay từ nhỏ, đã bộc lộ là một cậu bé khôi ngô, tuấn tú, đặc biệt ham thích võ nghệ. Trong những lúc đi chăn trâu ngoài đồng cậu vẫn thường bày trò đánh trận giả, đánh vật với lũ trẻ cùng trang lứa.

Thời kỳ Nguyễn Phán sinh ra và lớn lên đất nước ta đang trong bối cảnh có nhiều biến động. Mẫu thuẫn giữa nông dân và phong kiến cầm quyền ngày càng gay gắt, các cuộc khởi nghĩa của nông dân nổi lên nhiều nơi trên khắp đất nước, tiêu biểu nhất là cuộc khởi nghĩa Tây Sơn do Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo.

Để củng cố lực lượng, Nguyễn Huệ đã cho người về Nghệ An - quê hương của những bậc "*hào kiệt*" chiêu mộ quân. Nguyễn Phán cũng gia nhập nghĩa quân Nguyễn Huệ tiến vào Đàng Trong đánh quân Xiêm La. Trong trận chiến ở Rạch Gầm - Xoài Mút, được giao chỉ huy một cánh quân, ông đã thể hiện là một thủ lĩnh mưu trí, kiên cường, góp phần vào chiến thắng của nghĩa quân Nguyễn Huệ.

Lúc này ở Đàng Ngoài vua Lê Chiêu Thống rước 29 vạn quân Thanh vào dày xéo nước ta. Để nhanh chóng đập tan quân xâm lược, thống nhất đất nước, ngày 25/11 năm Mậu Thân tại Phú Xuân, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế lấy niên hiệu là Quang Trung. "*Ngay sau lễ đăng quang Nguyễn Huệ đã chỉ huy đại quân tiến thẳng ra Bắc...*"[8].

Sau chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút, Nguyễn Phán tiếp tục theo đội quân lính chiến của Quang Trung Nguyễn Huệ tiến ra thành Thăng Long. Ông được Quang Trung giao trọng trách chỉ huy một cánh quân tập luyện võ nghệ, có dũng khí đánh thẳng vào đồn Ngọc Hồi. Trong trận này, ông chỉ huy binh lính chiến đấu anh dũng, kiên cường, tiêu diệt được nhiều quân địch, lập công lớn góp phần đánh bại quân Thanh ra khỏi nước ta. Chiến thắng trở về, ông được vua Quang Trung phong *"Yết trung tướng quân, điện tiền chỉ huy sứ"* và ban thưởng bia vẽ rồng, áo lọng năm 1789. Đến năm Nhâm Tý (1792) ông lại được vua Quang Trung ban khen *"Đáng hưởng lộc muôn nhà, hết mình trong can qua, khá khen người trung hiếu"*[9].

---

[8] Trích Danh tướng Việt Nam, Nxb Giáo dục, tập 3, trang 231

[9] Sơ thảo Lịch sử Đảng bộ xã Long Thành, Nxb VHTT 2012, trang 39 - 40

Năm 1793, vua Quang Trung mất, người con trai trưởng là Quang Toản mới 10 tuổi được nối ngôi vua cha lấy niên hiệu là Cảnh Thịnh, Nguyễn Phán tiếp tục phò tá vua Quang Toản. Đời vua Cảnh Thịnh xét công lao của ông Nguyễn Phán[10] đã ban cho 03 sắc phong:

+ Năm Ất Mão, niên hiệu Cảnh Thịnh 3 ông được phong là: *"Hữu quân tứ vệ uý – phấn lực tướng quân" (Ngày 02 tháng 10 năm 1795).*

+ Năm Kỷ Mùi, niên hiệu Cảnh Thịnh 7 ông được phong là: *"Ban sư thiếu truyền công" (Ngày 13 tháng 4 năm 1799).*

+ Năm Canh Thân, niên hiệu Cảnh Thịnh 8 ông được phong là: *"Thống soái thiếu bộ công, nhất khâm phó tả luật trung định thần chỉ huy sứ"*[11] *(Ngày 03 tháng4 năm 1800).*

Tháng 6 năm 1802 đại quân của Nguyễn Ánh tiến công như vũ bão ra Bắc. Nghệ An, Thanh Hoá và các trấn Bắc Thành lần lượt rơi vào tay Nguyễn Ánh[12]. Nguyễn Phán đã chiến đấu anh dũng, quả cảm và hy sinh trong trận đánh quân Nguyễn Ánh.

c, Nguyễn Văn Quán:

Ông Nguyễn Văn Quán sinh năm 1828, hiệu là Vạn Xuân là thế hệ thứ 17 của dòng họ Nguyễn Văn Đại tôn tại làng Bảo Hựu, xã Nguyên Xá, tổng Quan Trung, huyện Đông Thành, phủ Diễn Châu *(nay là xã Sơn Thành, Yên Thành, Nghệ An).* Cha là Nguyễn Văn Hiến, một nhà Nho từng giữ chức Thái nhi tổng Nho trưởng Hàn lâm viện thị tộc, hàm "*Chánh ngũ phẩm*" và mẹ là Phan Thị[13].

Ngay từ nhỏ, Nguyễn Văn Quán đã là một cậu bé khôi ngô, tuấn tú. Lớn lên, với bản tính thông minh, cần cù Nguyễn Văn Quán quyết tâm học tập nhằm tiến thân bằng con đường khoa cử.

Năm Bính Ngọ (1846), triều đình mở kỳ thi Hương, Nguyễn Văn Quán đậu Tú Tài. Năm 1850, ông đậu Cử nhân. Sách "Khoa bảng Nghệ An" chép : " *Nguyễn Văn Quán – người xã Quan Xá, nay là xã Sơn Thành, huyện Yên Thành đậu khoa Canh Tuất – Tự Đức 3 (1850)*"[14].

Sau khi thi đỗ, năm 1853, Nguyễn Văn Quán được triều đình bổ làm Huấn đạo huyện Yên Định, Thanh Hóa. Đến năm 1859, Nguyễn Văn Quán được bổ làm Tri huyện huyện Phong Doanh, Nam Định. Năm 1861, triều đình xét thấy ông là người

---

[10] Sơ thảo Lịch sử Đảng bộ xã Long Thành, Nxb VHTT 2012, trang 40
[11] Nội dung lệnh chỉ xem phần phụ lục
[12] Đại cương lịch sử Việt Nam, tập 1, Nxb Giáo dục, trang 435.
[13] Gia phả họ Nguyễn đại tôn tập 1, hiện lưu tại nhà thờ họ Nguyễn đại tôn.
[14] Sách "Khoa bảng Nghệ An" trang 275.

tài đức vẹn toàn, lại được nhân dân tín nhiệm nên được thăng chức làm Tri phủ phủ Quảng Ninh, Quảng Bình. Lệnh chỉ còn lưu tại nhà thờ có chép : *Xét thấy có Tri huyện, huyện Phong Doanh là Nguyễn Văn Quán, trong ba điều đức, tài, chăm chỉ cũng được hai điều...".*

Năm 1863, ông được phong Chánh lục phẩm quyền Lãnh Giám sát ngự sử đạo Nam Trực. Năm 1864, ông lại được đổi nhận chức Lang trung ti Quy chế bộ Công. Đến năm 1870, ông được bổ Lãnh Lang trung ti Nhân tự bộ Lễ. Đến năm 1871, ông được đổi nhận hàm Hồng lô tự khanh chức Biện lý bộ Hình sự vụ. Năm 1872, ông được đổi làm Hồng lô tự thiếu khanh Biện lý bộ Công[15].

Bằng trí thông minh và bản chất thanh liêm của mình, dù ở cương vị nào Nguyễn Văn Quán cũng đem hết tài năng và trí tuệ của mình làm tốt trọng trách được triều đình giao phó. Nguyễn Văn Quán là người có đức, có tài, có tấm lòng yêu nước thương dân, ông biết tạo mối hoà hợp tốt đẹp với các làng xã lân cận trong thời gian ông làm quan. Với công việc, ông luôn tận tâm cống hiến hết mình cho sự hưng thịnh của dân tộc. Với gia đình ông là người con chí hiếu, người chồng người cha mẫu mực, luôn ân tình và làm tròn trách nhiệm của mình.

Sau 21 năm làm quan (1853 - 1874), năm 1875, ông cáo quan về quê. Đến năm 1880, ông lâm bệnh và qua đời. Nhân dân bao lớp, kẻ già, người trẻ vô cùng thương tiếc tiễn đưa. Người đời kính trọng ông là một ông quan thanh liêm, đức độ, tài đức vẹn toàn.

d, Nguyễn Văn Diên:

Ông Nguyễn Văn Diên sinh vào khoảng giữa cuối thế kỷ XIX, là hậu duệ đời thứ 18. Sinh ra trong một gia đình giàu truyền thống yêu nước, có truyền thống hiếu học. Cha là ông Nguyễn Văn Đượn, thầy đồ trường làng, mẹ là bà Trần Thị Tuyên một người phụ nữ tảo tần vì chồng con. Lớn lên khi kinh thành Huế đã thất thủ vào tay giặc Pháp, phong trào Cần Vương đang sôi nổi khắp nơi cả trên quê hương, đã khơi dậy lòng nhiệt huyết cứu nước trong ông rất sớm. Được tận mắt thấy nỗi thống khổ của nhân dân, lại chứng kiến những tấm gương hy sinh cao cả của các bậc tiền bối, nên ông đã cùng với một số sỹ phu trong vùng tham gia vào nghĩa quân của Nguyễn Xuân Ôn và Lê Doãn Nhã.

Lịch sử đảng bộ huyện Yên Thành chép: *"Hưởng ứng chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi. Ở Yên Thành nhân dân các làng đã tự nổi dậy thành lập các đội nghĩa binh, đắp luỹ rào làng, lấy làng mình làm căn cứ liên kết với các lực lượng*

[15] Theo "Sắc phong, bằng cấp, trát sức họ Nguyễn Văn" Trần Văn Hữu dịch từ tài liệu Hán Nôm lưu tại nhà thờ Nguyễn Văn đại tôn.

làng xung quanh"[16]. Hưởng ứng lời kêu gọi của Nguyễn Xuân Ôn, ông đã tập hợp quân kéo xuống căn cứ Đồng Cò gia nhập nghĩa quân ngày đêm luyện tập võ nghệ. Nguyễn Văn Diên được thủ lĩnh Nguyễn Xuân Ôn tin tưởng phong cho chức *Chánh Suất đội*[17], giao trách nhiệm tham gia chỉ huy một đội quân của nghĩa quân. Trận đánh đầu tiên đội quân của Nguyễn Văn Diên cùng các đội quân khác phục kích lính tăng viện từ Thanh Hoá vào cho quân của Sô Mông, từ ngã ba Yên Lý đến cầu Bùng (Diễn Châu).

Trong trận kịch chiến tại Vũ Kỳ *(Đồng Thành)* ông đã đã chỉ huy đội quân của mình chiến đấu anh dũng, kiên cường, quả cảm. Nhưng tại trận chiến này ông đã bị thương và hy sinh[18]. Nhân dân cùng con cháu tiếc thương và an táng ông tại xã Đồng Thành *(Yên Thành)*.

e. Nguyễn Văn Trương *(còn gọi là Nguyễn Trương)*,**:**

Ông Nguyễn Trương, sinh năm 1905 mất ngày 19/3/1931, là hậu duệ đời thứ 21. Sinh ra trong một gia đình giàu truyền thống yêu nước và cách mạng, được cha mẹ cho ăn học đến nơi đến chốn, Nguyễn Trương sớm giác ngộ cách mạng. Chứng kiến cảnh dân ta bị thực dân Pháp dày xéo, bóc lột nặng nề, Nguyễn Trương hăng hái cùng các thanh niên trẻ trong vùng đi làm cách mạng trên quê hương mình.

Ngày 1/5/1930 sự kiện Vinh – Bến Thuỷ và huyện Thanh Chương tổ chức biểu tình biểu dương lực lượng trong ngày Quốc tế Lao động, mở đầu cho phong trào Cách mạng 1930 - 1931. Từ đây ngọn lửa đấu tranh của công nông lan khắp các huyện Nam Đàn, Hưng Nguyên, Nghi Lộc và các địa phương khác trong hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh[19].

Phong trào như làn gió mới làm náo nức những người con như Nguyễn Trương. Chỉ ít hôm sau, đồng chí Lê Điều, đồng chí Đen được Tỉnh uỷ cử về các tổng, các xã gây dựng cơ sở, đã đến gặp ông. Cuộc họp tại nhà ông Châu *(xã Tam Đồng)* vào tháng 10/1930 do đồng chí phái viên Tỉnh uỷ, biệt danh là anh Đen và đồng chí Lê Điều *(quê ở Ngọc Luật)* chủ trì đã phân công cho Nguyễn Trương làm *Bí thư Nông hội đỏ*[20].

Ngay sau cuộc họp trở về, Nguyễn Trương đã triển khai chỉ đạo phong trào ở các thôn xóm trong xã Quan Thái để chuẩn bị lực lượng, cờ đỏ búa liềm đi biểu tình chống lại các chính sách của thực dân Pháp. Ngày 27/2/1931 dưới sự chỉ huy của Bí thư Nông hội đỏ Nguyễn Trương, nhân dân làng Bảo Hựu hoà cùng với nhân dân các

---

[16] "Lịch sử huyện Yên Thành", Nxb Nghệ Tĩnh – Trang 44

[17] Sơ thảo "Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Long Thành",Nxb VHTT 2012, Trang 41 - 42

[18] Hiện nay tại xã Đồng Thành còn lưu giữ bia tưởng niệm danh sách Văn thân chống Pháp.

[19] Lịch sử Nghệ Tĩnh, tập 1 T, Nxb Nghệ Tĩnh 1984, trang 350.

[20] Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Long Thành, Nxb Văn hoá Thông tin, Trang 46-47.

thôn xóm tập trung nghe diễn thuyết và tố cáo chính sách khủng bố của đế quốc và phong kiến rồi kéo đi biểu tình tại chùa Ngu. Cuộc biểu tình của nhân dân trong vùng là đòn giáng trả quyết liệt vào chính sách quy thuận của kẻ thù.

Nhằm trấn áp tinh thần đấu tranh cách mạng của nhân dân địa phương, ngày 28/2/1931 thực dân Pháp tăng cường khủng bố, đàn áp các phong trào đấu tranh, tìm diệt các cán bộ chủ chốt, đồng chí Nguyễn Trương bị bắt. Sau một thời gian tra khảo dã man, nhưng không nắm được chứng cứ, đến ngày 19/3/1931, ông bị chúng đưa về xử bắn ở trường bắn Tràng Kè *(xã Mỹ Thành, Yên Thành)*[21].

Nhà thờ họ Nguyễn Văn Đại tôn ngoài thờ phụng vị tổ Nguyễn Văn Nhậm, cùng các hậu duệ trên, tại nhà thờ Nguyễn Văn Đại tôn còn thờ các bậc Tiên Tổ, Tổ Cô, Thúc, Bá trong dòng họ mà nhiều người trong số đó cũng học hành đỗ đạt ra làm quan đều để lại tiếng thơm cho đời như Nguyễn Thiêm Kính, Nguyễn Viết Giai, Nguyễn Văn Hiến,[22]... Phát huy truyền thống yêu nước của dòng tộc, nhiều người con của dòng họ Nguyễn Văn Đại tôn đã tham gia các hoạt động cứu nước, giải phóng dân tộc, thi đua học tập thành danh, nhiều người đã trở thành những giáo sư, tiến sĩ, nhà khoa học đầu ngành, những nhà quản lý, lãnh đạo giỏi trên các lĩnh vực. Tính đến nay, có: 30 tú tài, 11 cử nhân, 14 thạc sỹ, 02 tiến sỹ.

Gần 600 năm tồn tại, từ ông thuỷ tổ với công lao lập làng đến các vị tổ tiếp theo với các hoạt động cứu nước, bảo vệ quê hương, làng xóm... đến nay dòng họ Nguyễn Văn Đại tôn đã có bề dày lịch sử vẻ vang với những tên tuổi không chỉ gắn bó với lịch sử làng Điện Yên - xã Long Thành mà còn gắn với lịch sử Đảng bộ huyện Yên Thành.

B. SỰ KIỆN LỊCH SỬ:

Nhà thờ họ Nguyễn Văn Đại tôn từ khi xây dựng cho đến nay, ngoài việc để tưởng nhớ các bậc tiên tổ của dòng họ, tại nhà thờ lại là nơi chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử của địa phương.

- Trong phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh 1930 – 1931 nhà thờ Nguyễn Văn Đại tôn là một trong những địa điểm ấn loát truyền đơn, tài liệu bí mật cho cách mạng[23].

- Năm 1948 – 1949, do yêu cầu diệt "*giặc dốt*", phong trào "*Bình dân học vụ*" phát triển mạnh mẽ, nhiều nhà thờ, đình, đền đều được dùng làm địa điểm dạy học. Nhà thờ Nguyễn Văn đại tôn cũng là một địa điểm tổ chức dạy "*Bình dân học vụ*" cho nhân dân trong vùng.

---

[21] Địa điểm xử bắn 72 chiến sỹ cách mạng trong phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh xếp hạng cấp Quốc gia năm 1990.
[22] Sơ thảo "Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Long Thành" Nxb VHTT 2012, trang 37.
[23] Sơ thảo " Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Long Thành" Nxb Văn hoá Thông tin – Trang 47

- Năm 1965 – 1966 nhà thờ là trụ sở trường Đảng Lê Hồng Phong[24] đào tạo các lớp Đảng viên.

- Năm 1966 – 1967 nhà thờ là địa điểm dạy học của trường Kế hoạch tỉnh Nghệ An *(nay là trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Nghệ An).*

- Từ năm 1968 – 1969 Công ty Kiến thiết tỉnh Nghệ An *(nay là Công ty Xổ số kiến thiết Nghệ An)* đặt trụ sở làm việc tại nhà thờ Nguyễn Văn Đại tôn.

Ghi nhận đóng góp của nhà thờ Nguyễn Văn Đại tôn, Hội đồng Bộ Trưởng đã tặng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất[25], UBND tỉnh Nghệ An tặng Bằng khen[26].

5. SINH HOẠT VĂN HOÁ TÍN NGƯỠNG LIÊN QUAN ĐẾN DI TÍCH

Nhà thờ họ Nguyễn Văn Đại tôn là nơi sinh hoạt văn hoá của con cháu trong dòng họ. Tại đây, hàng tháng hoặc các kì lễ tết Nguyên Đán, tết Đoan Ngọ *(5/5 âl)*, Tết Trung Nguyên *(15/7âl)*, lễ Thượng Điền *(8/8 âl)*, con cháu thường về tại nhà thờ thắp hương, kính lễ tỏ lòng biết ơn tổ tiên tại nhà thờ.

Ngày lễ lớn nhất tại nhà thờ là giỗ tổ tổ chức vào ngày 12 - 13/7 âm lịch. Đây là dịp để con cháu "*ôn cố tri tân*", ca ngợi truyền thống vẻ vang của dòng họ, giáo dục con cháu đạo đức, "*trung, cần, nhân, nghĩa*" nên con cháu từ Nam chí Bắc đều tề tựu tổ chức tế lễ, tượng niệm với các nghi lễ mang đậm bản sắc dân tộc nói chung và nghi lễ của vùng Đông Thành xưa nói riêng. Lễ tế gồm 2 lễ tế chính là lễ yết cáo diễn ra vào tối 12/7 báo cáo với tổ tiên về việc tổ chức lễ giỗ tổ và lễ đại Tế vào ngày 13/7. Lễ vật chính là xôi, thịt, hoa quả, hương đăng, trầu rượu với ý nghĩa là mời tổ tiên về thượng hưởng. Lễ vật ở lễ đại tế có số lượng nhiều hơn và hành lễ cũng chu đáo hơn. Lúc này, nhà thờ được chia làm hai khu vực, phía trong từ Trung đường trở vào là nơi đặt lễ vật và dành cho những người hành lễ. Khu vực ở ngoài dành cho con cháu ngồi chứng kiến buổi lễ trang nghiêm, trang trọng. Ban hành lễ gồm 7 người, 01 chủ tế, 01 người đọc văn, 01 người xướng lễ, 02 nội tán, 02 bồi tế, tế lễ diễn ra 03 tuần rượu. Tế lễ xong con cháu quây tụ thụ hưởng lễ vật.

6. KHẢO TẢ DI TÍCH:

A. KHÁI QUÁT:

Nhà thờ họ Nguyễn Văn Đại tôn ngoảnh mặt hướng Bắc, được xây dựng trên một vùng đất bằng phẳng với khuôn viên khang trang, cao ráo và thoáng đãng, giữa một vùng quê trù phú, dân cư đông đúc, có bề dày lịch sử văn hoá lâu đời. Tuy không

---

[24] Trường Đảng Lê Hồng Phong thuộc huyện Yên Thành.

[25] Hội đồng Bộ trưởng tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất theo QĐ 340 KT/HĐBT ngày 7/02/1990 do đồng chí Đỗ Mười kí. Uỷ ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An tặng bằng khen theo QĐ 125, ngày 18/11/1995 do đồng chí Nguyễn Văn Thọ kí. Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An tặng bằng khen theo QĐ số 2626/QĐ-UBND.TĐ ngày 31/7/2007 do đồng chí Phan Đình Trạc kí.

[26] Quyết định của UBND tỉnh số 1306/QĐ-UB ngày 12/4/1989.

phải là một công trình kiến trúc đồ sộ nhưng nhà thờ được thiết kế khá ấn tượng tạo cảm giác ấm cúng, cảnh quan hữu tình, xa hơn một chút có dòng sông Điển hiền hoà. Phía trước nhà thờ là đường xóm, ba phía còn lại là nhà dân.

Nhà thờ được xây dựng từ thời Lê, đến thời Nguyễn được tu bổ, tôn tạo và mở rộng thêm. Hiện nay, khuôn viên có tổng diện tích 675m^2, bao gồm các công trình: cổng, sân, nhà Hạ đường, Trung đường, sân lộ thiên, Thượng đường.

B. KHẢO TẢ KIẾN TRÚC, BÀI TRÍ TẠI DI TÍCH:

Sân nhà thờ hình chữ nhật diện tích 56,7m2 *(6,6m x 8,6m)*, lát gạch đất nung *(0,25m x 0,25m)*. Trong sân nhà thờ trồng một số cây cảnh như cây sanh, cây da, cây sứ... tạo bóng mát.

a, Cổng:

Cổng được xây dựng năm 2001. Cổng làm theo kiểu cổng vòm được xây dựng bằng gạch, vữa tam hợp, với hai cột trụ cao 3,2m đăng đối mở lối vào rộng 1.3m; cao 2.4m. Đỉnh trụ đặt hai con nghê chầu vào nhau.

Cổng nối liền với hệ thống tường bao quanh nhà thờ. Tường bao xây bằng gạch, vôi vữa tam hợp, dày 0,22m, cao 1,7m.

Lối vào từ cổng đến sân, dài 25m, rộng 2.02m lát gạch đất nung kích thước 0,25m x 0,25m.

c, Nhà Hạ đường:

**** Kiến trúc:***

Nhà Hạ đường xây dựng vào thời Nguyễn. Hạ đường có 3 gian 2 hồi làm bằng gỗ lim, diện tích 58m2 *(8,6m x 6,7m)*, phía trước trổ 3 cửa vào, cánh cửa làm kiểu ván dật, gồm 12 cánh. Cửa giữa rộng 2,22m, cao 1,63m; hai cửa hai bên bằng nhau cao 1,63m, rộng 1,7m, phía sau để thông ra nhà Trung đường.

Mái nhà lợp ngói âm dương, rải rui bản (0,09m x 0,015m), dài 4m; hoành (0,10m x 0,07m), dài 8,6m. Bờ nóc đắp hình lưỡng long chầu nguyệt bằng vôi vữa. Phần mái phía trước được làm kiểu chồng diêm, rộng 2,07m. Nền lát gạch hoa kích thước 0,30m x 0,30m. Độ cao từ nền đến bờ nóc là 4,6m.

Thềm nhà Hạ đường dài 8,6m, rộng 2,07m. Hai đầu tường hồi có hai cột quyết cao 1,7m. Trên đỉnh trụ quyết đắp bông sen, chân trụ xây choãi. Thân trụ quyết viết câu đối bằng chữ Hán có nội dung:

Câu đối mặt tiền:

Phiên âm:

Tổ tông công đức vạn đại như kiến

Tử hiếu tôn hiền bách thế bất vu.

Dịch nghĩa:

Công đức tổ tông vạn năm như còn đó

Con cháu thảo hiền trăm đời chẳng sai.

Câu đối hai mặt bên:

Phiên âm:

Viết hợp viết hoàn câú mỹ hỉ

Sở thị sở chỉ kỳ nghiêm hồ.

Dịch nghĩa:

Rằng hoà rằng hợp nên tốt đẹp

Cái thấy cái trỏ ấy nghiêm thay.[27]

Hạ đường có 4 vì, 02 vì ngoài kết cấu kiểu ván mê, 02 vì giữa kết cấu kiểu giá chiêng, kích thước xà ngang 0,25m x 0,14m; xà dọc 0,14m x 0,1m; 0,22m x 0,12m; thượng lương 0,2m x 0,06m . Hạ đường có 18 cột, trong đó 04 cột cái có đường kính 0,22m, cao 3,75m; 10 cột quân có đường kính 0,20m, cao 2,85m.; 04 cột hiên có đường kính 0,18m, cao 2,1m. Các cột đều đươc kê trên tảng hình vuông, kích thước 0,35m x 0,35m, cao 0,1m phần trên vát tròn ôm lấy đế cột.

- Số đo kết cấu dọc: 0,8m – 2,1m – 2,75m – 2,25m – 0,75m.

- Số đo kết cấu ngang: 1,5m – 3,1m – 1,45m – 0,65m.

* ***Trang trí trên kiến trúc***:

Nhìn chung, trang trí trên kiến trúc nhà Hạ đường đơn giản. Hệ thống bờ nóc, bờ giải đều được đắp thẳng, tạo những đường gân chắc chắn, trên bờ nóc đắp hình *"lưỡng long chầu nguyệt"*.

Tất cả các cấu kiện gỗ của nhà Hạ đường như: xà, hạ, câu dầu, kẻ, bẩy, cổ nghé,...đều được bào chuốt, xoi hình vỏ măng tạo thành những đường khối khoẻ khoắn và điểm các hoạ tiết hoa lá đơn giản. Trên các đầu kẻ, đầu bẩy đều được chạm trổ hai mặt hình tượng hoa văn, Trên các tuyến giáp của các cấu kiện kiến trúc như cổ nghé, xà hạ, kẻ chuyền... đều chạm trổ hoa

[27] Phiên âm dịch nghĩa Hán Nôm: Trần Văn Hữu.

** Bài trí nội thất*:

Nhà Hạ đường là nơi hành lễ nên không bài trí thờ tự. Tại đây chỉ đặt một trống lớn (*đường kính 0,46m, dài 0,63m*), 02 trống nhỏ (*đường kính 0,27m, dài 0,26m*) ở gian phải và một chiêng đồng (*đường kính 0,47m*) ở gian trái.

Trên hai cột cái gian giữa treo câu đối bằng chữ Nôm, nội dung:

Tổ tiên khai cơ ngời hậu thế

Tử tôn kế nghiệp rạng tiền nhân.

Phía trên ván mê hai gian bên nhà Hạ đường có khắc chữ Hán nội dung: *"Quý xuân nguyệt kinh thuỷ mạnh hà nhật lạc thành"* (nghĩa là: *Đầu tháng ba làm đến tháng tư hoàn thành*) và *"Hoàng triều Khải Định Ất Sửu thập niên "* (nghĩa là: *Năm Ất Sửu (1925) đời vua Khải Định thứ 10*)[28].

d, Nhà Trung đường:

** Kiến trúc:*

Nhà Trung đường có kiến trúc thời Nguyễn, gồm có 3 gian hai hồi bằng gỗ lim, xây tường bít đốc *(dày 0,22m)*, diện tích 41m2 *(8,8m x 4,65m)*. Mái lợp ngói âm dương, rui bản (0,08m x 0,015m), dài 3,4m; hoành (0,10m x 0,08m), dài 8,8m. Nền nhà lát gạch hoa *(0,30m x 0,30m)*. Độ cao từ nền đến bờ nóc là 3,95m.

Trung đường có 4 vì, 02 vì ngoài kết cấu kiểu ván mê, 02 vì giữa kết cấu kiểu giá chiêng, kích thước xà ngang 0,20m x 0,10m; xà dọc 0,18m x 0,09m; thượng lương 0,20m x 0,06m. Trung đường có 12 cột làm bằng gỗ lim, 02 cột cái có đường kính 0,17m, cao 3,05m; 10 cột quân có đường kính 0,16m, cao 2,5m. Các cột đều được kê trên tảng đá hình vuông, kích thước 0,35m x 0,35m, cao 0,1m phần trên vát tròn ôm lấy đế cột.

- Số đo kết cấu dọc: 0,8m - 2,1m - 2,50m - 2,25m - 0,7m.

- Số đo kết cấu ngang: 1m - 0,7m - 1,22m - 1,03m.

** Trang trí trên kiến trúc*:

Trung đường cũng trang trí đơn giản, chủ yếu thiên về bào trơn soi chỉ. Hệ thống bờ nóc, bờ giải đều được đắp thẳng bằng vôi vữa, tạo những đường gân chắc chắn.

Trên một số cấu kiện như cổ nghé, xà hạ, kẻ, bẩy...đều được bào chuốt, xoi hình vỏ măng tạo thành đường khối khoẻ khoắn, nhấn hoạ tiết hoa văn cách điệu. Trên các đầu kẻ, đầu bẩy đều được chạm trổ hai mặt hình tượng hoa văn, Trên các

[28] Phiên âm dịch nghĩa Hán Nôm: Trần Văn Hữu

tuyến giáp của các cấu kiện kiến trúc như cổ nghé, xà hạ, kẻ chuyền... đều chạm trổ hoa lá.

** Bài trí nội thất*:

Trên hoành mái phía sau treo 03 bức đại tự do con cháu cung tiến có cùng nội dung, kích thước gỗ dài 1,8m, rộng 0,80m nền vàng chữ đen, với nội dung:" Đức lưu quang" nghĩa là: *Đức sáng lưu truyền mãi*. Dưới đại tự treo 03 câu đối chữ Hán trên thân cột quân đều có nội dung giống nhau:

Phiên âm:

Tổ tông công đức thiên niên thịnh

Tử hiếu tôn hiền vạn đại vinh.

Dịch nghĩa:

Công đức tổ tông ngàn năm thịnh

Con cháu thảo hiên muôn đời vinh[29].

Nhà Trung đường bài trí thờ ngang với 01 ban thờ chính giữa để thờ công đồng.

Ban thờ gồm có 01 hương án 2 cấp bằng gỗ mới. Cấp 1: cao 1,4m, rộng 0,72m, dài 1,9m, cấp 2 : cao 1,57m. Trên cấp 1 bài trí một lư hương mới, đường kính 0,29m, cao 0,19m. Hai bên có đôi giá nến bằng gỗ cao 0,44m. Phía sau đặt một mâm chè bằng gỗ cao 0,18m, rộng 0,23m, dài 0,35m trên bài trí 5 chén nhỏ. Cấp 2, chính giữa đặt một mâm chè màu nâu, đế làm kiểu chân quỳ để bày lễ cúng. Hai bên có đôi ngà voi và 01 bình cắm hoa.

Hai bên hương án để đôi hạc gỗ sơn son thiếp vàng cao 1,53m, rộng 0,37m, giá bát bửu *(cao 0,94m, dài 1,55m);* bộ đao cao 1,9m.

e, Sân lộ thiên:

Nối nhà Trung đường và Thượng đường là sân lộ thiên có diện tích 13m^2 *(8,8m x 1,45m)*, lát gạch đất nung *(0,25m x 0,25m)*. Hai bên là 02 bức tường dắc đắp nổi phù điêu ngựa. Thân trụ quyết viết câu đối bằng chữ Hán có nội dung:

Phiên âm:

Bản phổ Hải Dương nguyên Trần đại

Triệu cơ Bảo điện tự Lê thời

Dịch nghĩa:

Họ ta vốn gốc Hải Dương đời nhà Trần

Khai mở cơ nghiệp Bảo Điện từ thời Lê.

---

[29]Phiên âm dịch nghĩa Hán Nôm: Trần Văn Hữu.

g, Nhà Thượng đường:

** Kiến trúc:*

Nhà Thượng đường xây dựng thời hậu Lê, hai đầu hồi xây tường *(tường dày 0,22m)*. Thượng đường có 03 gian, 02 hồi được làm bằng gỗ lim, diện tích 49m2 *(8,8m x 5,6m)*. Mái nhà Thượng đường lợp ngói âm dương, rui bản (0,10m x 0,02m), dài 3,7m; hoành (0,11m x 0,09m), dài 8,8m. Nền lát gạch đất nung *(0,30m x 0,30m)*. Độ cao từ nền đến bờ nóc là 3,95m.

Thềm Thượng đường dài 8,6m, rộng 2,1m, Hai bên thềm đắp phù điêu hai vị quan văn, quan võ đứng canh trước cửa. Thượng đường trổ ba cửa ra vào phía trước với hệ thống cánh cửa làm kiểu ván dật, gồm 18 cánh. Cửa giữa cao 1,59m, rộng 2,16m, hai cửa hai bên bằng nhau, mỗi cửa cao 1,59m, rộng 1,93m. Ba phía xây tường dày 0,17m.

Thượng đường có 04 vì kèo kết cấu kiểu giá chiêng, 02 vì giữa trốn 02 cột cái phía trước. Kích thước xà ngang 0,26m x 0,18m; xà dọc 0,23m x 0,13m; 0,21m x 0,12m.; thượng lương 0,20m x 0,6m. Thượng đường có 6 cột cái bằng gỗ lim có đường kính 0,23m, cao 3,45m và 10 cột quân có đường kính 0,21m, cao 2,6m. Các cột đều được kê trên đá tảng hình vuông có kích thước 0,44m, cao 0,1m, phần trên vát tròn ôm lấy đế cột.

- Số đo kết cấu dọc: 0,60m - 2,5m - 2,75m - 2,5m - 0,45m.

- Số đo kết cấu ngang: 0,95m - 1,05m - 1,55m - 1,05m - 0,30m - 0,75m.

** Trang trí trên kiến trúc*:

Thượng đường là công trình được xây dựng từ thời Hậu Lê đã được con cháu tu bổ, song vẫn giữ nguyên vẹn nét cổ kính của kiến trúc cổ.

Hệ thống bờ nóc, bờ giải đều được đắp thẳng, tạo những đường gân chắc chắn bằng vôi vữa. Bộ khung nhà chắc khoẻ, được chạm trổ hoạ tiết theo đề tài "*tứ linh*" và "*tứ quý*" với nét chạm sắc sảo. Những họa tiết hoa lá cách điệu trên con rường, câu đầu và đặc biệt là hoạ tiết hình phượng chạm trên thân cổ nghé trong tư thế sải cánh dang rộng tạo cho ngôi nhà thêm cổ kính và có giá trị cao về mặt kiến trúc cổ. Trên các đầu kẻ, đầu bẩy đều được chạm trổ hai mặt hình tượng hoa văn, Trên các tuyến giáp của các cấu kiện kiến trúc như cổ nghé, xà hạ, kẻ chuyền... đều chạm trổ hoa lá.

** Bài trí nội thất:*

Nhà Thượng đường bài trí thờ ngang, với ba ban thờ.

- Gian giữa :

+ Từ ngoài vào để một hương án bằng gỗ cổ, cao 1,55m, dài 1,30m, rộng 0,68m, mặt trước được trang trí theo đề tài *"tứ linh"* và *"tứ quý"*. Phía trên hương án đặt lư hương bằng sứ 0,19m. Hai bên đặt đôi giá nến bằng đồng, cao 0,18m, rộng 0,99m. Ở giữa đặt đỉnh trầm bằng đồng cổ, cao 0,33m, rộng 0,25m. Phía sau đặt đôi hạc nhỏ gỗ cao 0,83m, rộng 0,20m. Sau cùng đặt đôi liên hoa cổ cao 0,57m, rộng 0,23m. Phía trước hương án đặt đôi thanh đao. Trên hai cột quân gian giữa treo câu đối bằng chữ Hán, nội dung:

Phiên âm:

Công đức vĩnh hằng nguyên bản địa

(Bảo Đại Mậu Dần niên)

Hiếu thành vọng gián tích kim thiên

(Trường nam lão tường cung phụng ngôn đại thảo, Văn Thành phái nhĩ tôn Nguyễn Phúc bái thượng)

Dịch nghĩa:

Công đức mãi còn nơi đất gốc

(Năm Mậu Dần, niên hiệu Bảo Đại, 1938)

Hiếu thành không dứt vốn xưa nay.

(Trường nam lão tường cung phụng chu mạnh ngôn đại thảo, cháu xa đời ở phái Văn Thành là Nguyễn Phúc cung tiến).[30]

+ Tiếp sau hương án là giường thờ bằng gỗ cổ: cao 0,91m, rộng 0,83m, dài 1,57m. Trên giường thờ bài trí 01 mâm chè cổ cao 0,18m, rộng 0,24m, dài 0,35m. Sau đặt 01 mâm cỗ bồng cổ *(0,41m x 0,41m)*, cao 0,23m. Bên trái giường thờ đặt 01 giá chúc cổ cao 0,43m, rộng 0,45m trên có 05 chén nhỏ. Bên phải đặt 01 hộp đựng sắc cổ 0,16m x 0,13m x 0,55m.

Phía sau giường thờ là hương án bằng gỗ cổ: cao 1,13m, rộng 0,75m, dài 1,10m.. Hai bên đặt cặp đài trản cổ, cao 0,29m. Phía trên hương án 02 đôi hạc cổ nhỏ cao 0,77m, rộng 0,18m. Phía sau đặt long ngai có màu nâu đỏ cao 1m, rộng 0,40m, dài 0,44m. Long ngai có hiệu bụt:*"Đệ nhất thế tổ cao cao cao tổ khảo tiền hương cống Đại Việt Triệu cơ, Nguyễn thứ công huý Thế Nhậm phủ quân thần linh vị tiền"* được đặt trên đế hình chân quỳ, xung quanh đế chạm trổ hoa lá, rồng. Đỉnh long ngai tạo hình mặt nguyệt với những tia lửa, hai tay ngai tạo đầu rồng. Hai bên tay ngai đặt đôi kiếm cổ dài 0,83m. Hai bên hương án bài trí 02 đôi thanh đao dài 1,30m, rộng 0,99m.

Phía trên xà dọc chính giữa treo bức đại tự gỗ dài 1,8m; rộng 0,80m nền đen chữ vàng, với nội dung: "*Phụ nguyên dụ đường*" *(Bảo Đại Bính Tý niên, Văn Thành*

[30] Phiên âm dịch nghĩa Hán Nôm: Trần Văn Hữu.

đệ nhị chi chi trường phụng thượng) nghĩa là: *"Nhà họ Nguyễn giàu có đầy đủ" (năm Bính Tý niên hiệu Bảo Đại, chi trưởng chi hai ở Văn Thành kính phụng)*[31].

- Gian phải :

Ngoài cùng đặt 01 hương án bằng gỗ: cao 1,22m, rộng 0,65m, dài 1,29m. Phía trên hương án đặt lư hương bằng sứ có đường kính 0,14m, cao 0,11m. Hai bên lư hương đặt đôi giá nến cổ bằng gỗ cao 0,35m. Phía sau đặt lọ hoa cổ bằng gỗ cao 0,31m, rộng 0,15m.

Sau hương án là giường thờ bằng gỗ cổ: cao 0,73m, rộng 1,1m, dài 1,63m. Trên bài trí 01 mâm chè cổ cao 0,20m, rộng 0,26m, dài 0,34m.

Sau giường thờ là hương án bằng gỗ cổ: cao 0,94m, rộng 0,46m, dài 1,8m. Trên hương án bài trí 01 lư hương đá cổ cao 0,32m, rộng 0,22m. Sau lư hương là 01 giá gương cổ cao 0,55m, rộng 0,33m.

Sau cùng là hương án bằng gỗ cổ: cao 1,77m, dài 1,63m, rộng 0,91m. Trên hương án bài trí đỉnh trầm bằng đồng cổ cao 0,42m, đường kính 0,30m. Hai bên đặt đôi giá nến cao 0,34m, rộng 0,17m. Hai bên sau đôi giá nến là đôi hạc đồng cổ cao 0,43m, rộng 0,14m. Tiếp sau đó là đôi hạc gỗ cao 0,80m, rộng 0,22m. Trong cùng là khám thờ, cao 0,77m, dài 0,17m, rộng 0,39m. Khám thờ thờ ông Nguyễn Văn Phán, Nguyễn Văn Trương.

- Gian trái:

Ngoài cùng đặt hương án: cao 1,22m, rộng 0,65m, dài 1,3m. Phía trên đặt lư hương bằng sứ cổ *(0,018m x 0,018mx 0,017m)*. Hai bên đặt đôi giá nến cổ bằng gỗ cao 0,55m. Phía sau đặt lọ hoa cổ bằng gỗ cao 0,31m, rộng 0,15m.

Tiếp đó là giường thờ cổ: cao 0,73m, rộng 1,1m, dài 1,63m. Trên bài trí 01 mâm chè cổ cao 0,20m, rộng 0,26m, dài 0,34m.

Sau giường thờ là hương án cổ: cao 0,94m, rộng 0,46m, dài 1,8m. Trên hương án bài trí 01 lư hương đá cổ cao 0,32m, rộng 0,22m. Phía sau là giá đọc chúc cổ cao 0,55m, rộng 0,33m.

Sau cùng là hương án cổ: cao 1,77m, dài 1,63m, rộng 0,91m. Trên hương án bài trí đỉnh trầm bằng đồng cổ *(0,02m x 0,02mx 0,25m)*. Hai bên đặt đôi giá nến đồng cao 0,38m, rộng 0,24m. Sau đôi giá nến đặt đôi hạc đồng cổ cao 0,43m, rộng 0,14m. Tiếp sau đó là đôi hạc gỗ cao 0,80m, rộng 0,22m. Trong cùng là khám thờ, cao 0,77m, dài 0,17m, rộng 0,39m. Khám thờ thờ ông Nguyễn Văn Diên, Nguyễn Văn Quán.

Trên xà dọc gian phải treo 01 trống lớn sơn màu đỏ. Trống có đường kính 0,60m x 0,60m, chiều dài 0,70m.

---

[31] Phiên âm dịch nghĩa Hán Nôm: Trần Văn Hữu.

7. SƠ ĐỒ PHÂN BỐ DI VẬT, CỔ VẬT, BẢO VẬT QUỐC GIA THUỘC DI TÍCH

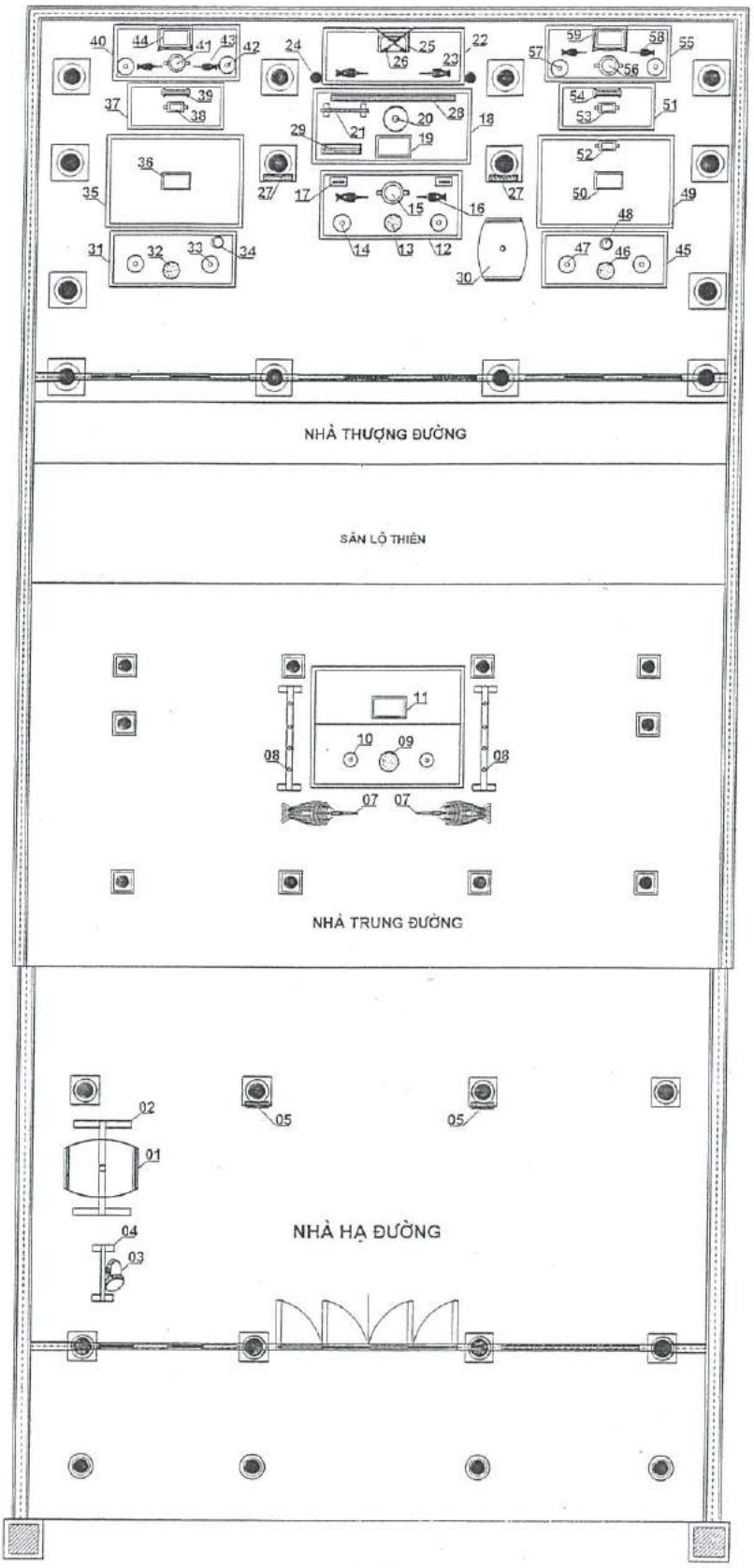

CHÚ THÍCH:

- 01: TRỐNG LỚN
- 02: GIÁ TRỐNG
- 03: TRỐNG NHỎ
- 04: GIÁ TRỐNG
- 05: CÂU ĐỐI
- 06: HƯƠNG ÁN
- 07: HẠC
- 08: BỘ BÁT BỬU
- 09: LƯ HƯƠNG
- 10: CỌC NẾN
- 11: MÂM CHÈ
- 12: HƯƠNG ÁN
- 13: LƯ HƯƠNG
- 14: GIÁ NẾN
- 15: ĐỈNH TRẦM
- 16: HẠC
- 17: LIÊN HOA
- 18: GIƯỜNG THỜ
- 19: MÂM CHÈ
- 20: MÂM CỖ BỒNG
- 21: GIÁ ĐỌC CHÚC
- 22: HƯƠNG ÁN
- 23: HẠC
- 24: ĐAO
- 25: LONG NGAI BÀI VỊ
- 26: KIẾM
- 27: CÂU ĐỐI
- 28: ĐẠI TỰ
- 29: HỘP ĐỰNG SẮC
- 30: TRỐNG LỚN
- 31: HƯƠNG ÁN
- 32: LƯ HƯƠNG
- 33: GIÁ NẾN
- 34: LỌ HOA
- 35: GIƯỜNG THỜ
- 36: MÂM CHÈ
- 37: HƯƠNG ÁN
- 38: LƯ HƯƠNG
- 39: GIÁ GƯƠNG
- 40: HƯƠNG ÁN
- 41: ĐỈNH TRẦM
- 42: CỌC NẾN
- 43: HẠC
- 44: KHÁM THỜ
- 45: HƯƠNG ÁN
- 46: LƯ HƯƠNG
- 47: GIÁ NẾN
- 48: LỌ HOA
- 49: GIƯỜNG THỜ
- 50: MÂM CHÈ
- 51: HƯƠNG ÁN
- 52: LƯ HƯƠNG
- 53: LƯ HƯƠNG
- 54: GIÁ GƯƠNG
- 55: HƯƠNG ÁN
- 56: ĐỈNH TRẦM
- 57: GIÁ NẾN
- 58: HẠC
- 59: KHÁM THỜ

8. GIÁ TRỊ LỊCH SỬ – VĂN HOÁ - KHOA HỌC – THẨM MỸ.

a. Giá trị lịch sử:

Nhà thờ họ Nguyễn Văn Đại tôn là nơi thờ tự các bậc tiên tổ của dòng họ, trong đó có những người đã có nhiều cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước, như: *Nguyễn Văn Nhậm, Nguyễn Văn Phán, Nguyễn Văn Quán, Nguyễn Văn Diên, Nguyễn Văn Trương, v.v...*

Trong quá trình tồn tại, di tích còn là nơi diễn ra nhiều sự kiện lịch sử, gắn liền với tinh thần yêu nước và cách mạng của các thế con cháu trong dòng họ, cũng như Đảng bộ và nhân dân địa phương, góp phần vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam, như: *địa điểm in ấn tài liệu; nơi tổ chức các lớp học "Bình dân học vụ"; trường Đảng Lê Hồng Phong, trường Kế hoạch tỉnh Nghệ An; trụ sở làm việc của Công ty Kiến thiết tỉnh Nghệ An...* được Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng : **Huy chương kháng chiến hạng Nhất.**

Các tài liệu, hiện vật còn lưu giữ tại di tích *(hương án cổ, bàn thờ cổ, giường thờ cổ, câu đối cổ, đại tự cổ, long ngai cổ, mâm chè cổ, lư hương đá cổ, lọ hoa cổ...)* là những tư liệu quý, có giá trị lớn về mặt lịch sử, minh chứng cho truyền thống yêu nước và cách mạng của một dòng họ nói riêng, một địa phương nói chung... góp phần phục vụ công tác nghiên cứu, tìm hiểu công lao, thân thế, sự nghiệp của một số nhân vật đã có công với dân với nước và lịch sử hình thành và phát triển của dòng họ Nguyễn Văn ở làng Điện Yên, cũng như lịch sử xây dựng và phát triển của một vùng quê xứ Nghệ.

b. Giá trị Văn hoá:

Hàng năm cứ đến ngày 13/7 âm lịch, con cháu dòng họ Nguyễn Văn Đại tôn cử hành lễ cúng tổ tiên. Đó là những ngày đại lễ để con cháu tưởng nhớ với tổ tiên, là dịp để mọi người *"ôn cố tri tân"*, ca ngợi truyền thống vẻ vang của dòng họ Nguyễn Văn Đại tôn, giáo dục con cháu truyền thống *"Trung, cần, nhân, nghĩa"* mà tổ tiên đã truyền lại. Các hoạt động tế lễ ở đây thể hiện đạo lý *"uống nước nhớ nguồn"*. Đồng thời, đây cũng là dịp để dân làng Điện Yên thể hiện lòng biết ơn đối với vị thần đã có công khai hoang, lập làng. Nội dung của lễ hội phong phú và sinh động, có cả phần lễ lẫn phần hội. Phần hội tổ chức thi sáng tác, ngâm vịnh thơ ca, đánh cờ, nội trợ, văn nghệ... Đây cũng là thời gian để mọi người trong dòng tộc được gặp gỡ nhau, thăm hỏi, làm tăng thêm tình đoàn kết trong dòng họ và cũng là một lễ hội chung cho cả dân làng Điện Yên. Đó chính là những việc làm tôn vinh những giá trị văn hoá tốt đẹp của địa phương.

c. **Giá trị khoa học:**

- Nhà thờ họ Nguyễn Văn Đại tôn là một công trình kiến trúc gỗ cổ có quy mô, kết cấu kiến trúc hài hoà, thoáng đãng, đã tồn tại hàng trăm năm trên vùng đất khắc nghiệt – lắm mưa, nhiều bão... vẫn đứng vững và giữ nguyên được vẻ đẹp ban đầu, điều đó đã minh chứng tính khoa học trong việc xây dựng công trình kiến trúc này.

- Di tích còn giữ nguyên được 01 toà kiến trúc thời Hậu Lê *(Thượng đường)* và 02 toà kiến trúc thời Nguyễn *(Hạ đường, Trung đường)*, các bộ phận kiến trúc gỗ có kích thước tương đối, trang trí tinh tế và được kết hợp nhuần nhuyễn, hài hoà, giữa giá trị sử dụng và giá trị thẩm mỹ.

Phong cách kiến trúc nhà thờ Nguyễn Văn Đại tôn mang đậm tính chất dân tộc, khiêm tốn, nhẹ nhàng gắn liền với ruộng đồng, dòng sông của con người xứ Nghệ. Kiến trúc hoà lẫn trong làng xóm phản ánh đời sống của xã hội, phong tục tập quán, hội hè rước lễ, tôn giáo tín ngưỡng... của người thôn quê.

d. Giá trị thẩm mỹ:

Nhà thờ Nguyễn Văn Đại tôn thuộc vùng đất có bề dày truyền thống về lịch sử - văn hoá và có vẻ đẹp của làng quê thanh bình.

Đến với di tích chúng ta sẽ bắt gặp một toà nhà với kiến trúc cổ vẫn còn nguyên vẹn, nằm giữa làng quê Long Thành đem lại cho ta cảm giác ấm cúng, yên bình. Đồng thời đến với nhà thờ chúng ta cũng sẽ có điều kiện tham quan một số di tích nổi tiếng khác như: *Đền thờ Sát hải Đại vương Hoàng Tá Thốn, Đền Đức Hoàng, Khu lưu niệm Phan Đăng Lưu*... Đây chính là dịp để du khách thưởng ngoạn giá trị văn hoá thẩm mỹ của vùng đất địa linh nhân kiệt.

Bên cạnh đó, nhà thờ còn lưu giữ được những hiện vật cổ như *liên hoa, lư hương bằng đá, lư hương bằng gỗ, hương án cổ*...Về kiến trúc nghệ thuật thì ta có thể thấy tại nhà Thượng đường nét chạm trổ hoạ tiết theo đề tài "*tứ linh*" và "*tứ quý*".

9. THỰC TRẠNG BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH:

Hiện nay, theo quyết định số 1017/QĐUB-VX ngày 01/4/2011 về việc phân cấp quản lý Di tích trên địa bàn tỉnh Nghệ An thì di tích thuộc quyền quản lý của UBND xã Long Thành. Trải qua quá trình lịch sử di tích được bảo tồn như sau:

Nhà thờ được khởi dựng từ thời hậu Lê với kiến trúc khá đơn giản, đến đời Nguyễn con cháu trong dòng họ Nguyễn Văn Đại tôn tạo lại Hạ đường, Trung đường, Thượng đường.

Trong những năm cải cách nhà thờ vẫn được con cháu gìn giữ, tu sửa và thờ tự.

Trải qua quá trình lịch sử, di tích được bảo tồn như sau:

Dưới chế độ phong kiến Việt Nam, nhà thờ họ Nguyễn Văn Đại tôn được bảo vệ theo truyền thống tín ngưỡng tâm linh và đạo lý *"Uống nước nhớ nguồn"* của dân tộc ta và sắc phong của triều đại Phong kiến.

- Từ năm 1945 – 1984, di tích được bảo vệ theo Sắc lệnh số 65/SL ngày 23/11/1945 về việc *"Bảo tồn di tích, di vật lịch sử danh thắng"* do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký và Nghị định số 519/TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Từ năm 1985 - 2001, di tích được bảo vệ theo Pháp lệnh bảo vệ di tích Lịch sử - Văn hoá và Danh lam thắng cảnh của Hội đồng Nhà nước CHXHCN Việt Nam, ban hành ngày 31/04/1984 và Nghị định 288/HĐBT ngày 21/12/1985 của HĐBT quy định thi hành pháp lệnh này.

- Trong các năm 1964 – 1996, di tích được ngành VHTT tỉnh Nghệ An đưa vào danh mục qua các đợt kiểm kê Năm 1997, được phân cấp quản lý tại quyết định số 1308/QĐ.UB ngày 12 tháng 4 năm 1997 của UBND tỉnh Nghệ An về việc "Phân cấp quản lý di tích lịch sử văn hoá - danh lam thắng cảnh"

- Từ năm 2001 đến nay di tích được bảo vệ theo luật di sản văn hoá (Luật số: 28/QH10 và luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của luật di sản văn hoá ngày 18 tháng 6 năm 2009; Nghị định 98/CP/2002 ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Di sản văn hoá; QĐ số 1017/QĐUB-VX ngày 01 tháng 04 năm 2011 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phân cấp quản lý di tích – danh thắng trên địa bàn tỉnh)

- Năm 2011, UBND xã Long Thành, UBND huyện Yên Thành có tờ trình xin lập hồ sơ xếp hạng di tích. Năm 2012, Ban quản lý DT - DT phối hợp với địa phương biên soạn hồ sơ khoa học trình UBND tỉnh xếp hạng di tích cấp tỉnh.

Hiện nay di tích Nguyễn Văn Đại tôn được con cháu cắt cử người trông nom chu đáo, được chính quyền địa phương thành lập tổ bảo vệ và phát huy tốt.

10. PHƯƠNG HƯỚNG BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH:

a. Phương án bảo vệ:

- Lập hồ sơ khoa học trình UBND tỉnh ra quyết định xếp hạng di tích tạo cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học để bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo Luật Di sản văn hoá.

- Thực hiện việc cắm mốc, khoanh vùng bảo vệ theo biên bản khoanh vùng, tạo cơ sở pháp lý ngăn chặn sự xâm hại đến di tích. Tôn tạo, phục hồi một số chi tiết đã hư hỏng.

- Thành lập tổ bảo vệ xây dựng và thực hiện tốt nội dung, quy chế hoạt động của tổ bảo vệ để tăng cường hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

- Khi tiến hành tu sửa chống xuống cấp di tích không được làm thay đổi hình dáng kết cấu ban đầu của di tích. Nếu di tích bị hư hỏng nặng, trước khi tu sửa phải xây dựng đề án trình ngành VHTT & DL duyệt. Những sửa chữa nhỏ, địa phương *(trực tiếp là Tổ bảo vệ di tích)* có thể thực hiện, nhưng phải báo cáo và được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền và có sự hướng dẫn về chuyên môn.

b. Phương án phát huy giá trị di tích:

- Xây dựng bản thuyết minh về nội dung giá trị di tích để tổ bảo vệ có cơ sở tuyên truyền giới thiệu.

- Dựng biển chỉ dẫn, lập bia ghi công trạng của nhân vật được thờ tại di tích.

- Duy trì các hoạt động văn hoá truyền thống của địa phương và dòng họ. Tổ chức tốt các ngày tế lễ, đặc biệt là lễ hội truyền thống hàng năm tại di tích (*vào ngày 13/7 âm lịch*).

- Trồng thêm một số cây xanh, cây cảnh tạo bóng mát trong vườn di tích để tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp.

- Nghiên cứu phục hồi và phát huy giá trị văn hoá phi vật thể gắn với di tích như sinh hoạt văn hoá truyền thống, các phong tục tốt đẹp của địa phương có liên quan đến di tích.

- Kết hợp với trường huyện, tỉnh để tổ chức nói chuyện, tìm hiểu về lịch sử truyền thống cách mạng của địa phương nói riêng và dân tộc nói chung. Biến nơi đây thành địa điểm để giáo dục lòng yêu nước, yêu quê hương, đức, trung, cần, nhân, nghĩa.

11. KẾT LUẬN:

Nhà thờ Nguyễn Văn Đại tôn là một công trình văn hoá thờ phụng những vị tiên liệt của dòng họ, trong đó có những đã có người cống hiến cho sự nghiệp bảo vệ quê hương đất nước.

Di tích tuy tuy có quy mô lớn, nhưng lại có khuôn viên đẹp, kiến trúc cổ kính, còn lưu giữ được nhiều hiện vật cổ có giá trị rất lớn về lịch sử, văn hoá, khoa học,...phục vụ đắc lực cho công tác nghiên cứu khoa học, giáo dục truyền thống cho các thế hệ.

Việc xếp hạng di tích nhà thờ họ Nguyễn Văn Đại tôn là điều cần thiết nhằm tôn vinh những người có công với dân với nước, tạo cơ sở pháp lý cho việ bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích.

Đề nghị xếp hạng di tích cấp Tỉnh.

12. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Long Thành- Sơ thảo tập I (1930 - 1945), Nxb VHTT - 2012.

2. Lịch sử Nghệ Tĩnh - Tập 1, Nxb Nghệ Tĩnh - 1984.

3. Bùi Dương Lịch: Nghệ An ký, Nxb KHXH, Hà Nội - 1993

4. Đại cương Lịch sử Việt Nam, Nxb Giáo dục, Tập 1.

5. Chu Quang Trứ - Kiến trúc dân gian truyền thống, Nxb Mỹ Thuật - 2001.

6. Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ 19 - Dương Thị The, Phạm Thị Thoa dịch và biên soạn, Nxb Khoa học xã hội - 1981.

7. Ninh Viết Giao: Tục thờ thần và thần tích Nghệ An, Nxb Nghệ An -2000.

8. Trần Lâm Biền: Đồ thờ trong di tích của người Việt, Nxb VHTT – 2003.

9. Gia phổ họ Đại tôn Nguyễn Văn Đại tôn, xã Long Thành, huyện Yên Thành, dịch năm 1990.

10. Lịch triều hiến chương loại chí. Nxb Khoa học xã hội 1992.

11. Các triều đại Việt Nam. Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng, Nxb Thanh Niên.

12. Lịch sử huyện Yên Thành,UBND huyện Yên Thành, Nxb Nghệ Tĩnh.

13. Khoa bảng Nghệ An, Đào Tam Tỉnh, Nxb VHTT Nghệ An 2000.

BAN QUẢN LÝ DT - DT

P. TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ DI TÍCH & DANH THẮNG

Phan Văn Hùng

TÁC GIẢ LẬP HỒ SƠ

Phan Thị Ngọc Hồi

PHỤ LỤC

SẮC PHONG TRIỀU NGUYỄN PHONG CHO NGUYỄN QUANG PHÁN

Đạo thứ nhất:

Phiên âm:

Thống soái thiếu truyền công

Kê

Nhất khâm phó Tả bật đạo trung đạo tiền doanh chỉ huy sứ Nhưng Nguyễn Phán quán Đông Thành huyện, Nguyên Xá xã, Bảo Sàng thôn hệ lịch tòng chiến trận phả hữu cần lao. Đẳng nhân ứng khâm phó vi hộ quân sứ Nhưng nghĩa hầu, suất bản phân quân lệ, tòng sai bát chư nhung vụ. Đãi hậu chuyển tấu phóng long sắc, dĩ biểu trưng lao. Nhược giãi đãi bất cần, hữu can quân hiến. Tư khâm phó.

Cảnh Thịnh bát niên nhuận tứ nguyệt thập tam nhật

Dịch nghĩa:

Thống soái thiếu truyền công

Kê

Khâm phó cho Tả bật đạo trung định tiền doanh chỉ huy sứ nhưng Nguyễn Phán, quê ở thôn Bảo Sàng, xã Nguyễn Xá, huyện Đông Thành đã theo việc chinh chiến trải bao năm, rất gắng sức chuyên cần. Nhân đó nên khâm phó làm Hộ quan sứ Nhưng nghĩa hầu, đốc suất quân linh bản phân, sai phái các việc binh. Chờ sau chuyển tấu ban sắc văn để biểu dương công lao. Nếu biếng lười chẳng chuyên cần thì phạm vào phép quân.

Nay khâm phó.

Ngày 13 tháng 4 nhuận năm Cảnh Thịnh thứ 8 *(1800)*

Đạo thứ hai:

Phiên âm:

Sắc Diễn Châu phủ, Đông Thành huyện, Nguyễn Xá xã, Bảo Sàng thôn tả bật đạo lịch tòng chiến trận, phả hữu cần lao. Khả gia Trì uy tướng quân vệ uý phán, suất bản phân quân, ứng tòng sai bát. Nhược giãi đãi bất cần, hữu quân hiến tại. Khâm tai.

Cố sắc!

Cảnh Thịnh tứ niên thập nguyệt sơ nhị nhật

(Sắc mệnh chi bảo)

Dịch nghĩa:

Sắc cho Tả bật đạo quê ở thôn Bảo Sàng, xã Nguyên Xá, huyện Đông Thành, phủ Diễn Châu, bản thân theo việc chinh chiến trải bao năm, rất chăm chỉ chuyên cần. Khá nên tặng thêm là Trì uy tướng quân vệ uý phán, đốc suất quân lính bản phân, sai phái việc quân. Nếu lười biếng không chuyên cần, đã có quân pháp. Kính thay.

Cho nên ban sắc này!

Ngày mồng 2 tháng 10 năm Cảnh Thịnh năm thứ 4 *(1796)*

(Sắc mệnh chi bảo)

*** SẮC PHONG TRIỀU NGUYỄN VUA BAN CHO NGUYỄN VĂN QUÁN**

Đạo thứ nhất:

Phiên âm:

Sắc cử nhân Nguyễn Văn Quán quán Nghệ An tỉnh, Diễn Châu phủ, Đông Thành huyện, Quan Trung tổng, Quan Xá xã, Bảo Hựu thôn. Tiền khoa hội thí, dự hữu phân số. Tư Lại bộ nghị bổ câu đề chuẩn nhĩ bổ thụ Yên Định huyện huấn đạo, phàm giảng tập khảo khóa y lệ phụng hành. Nhược sở sự phất tu hữu quốc pháp tại.

Khâm tai!

Tự Đức lục niên bát ngyệt sơ nhị nhật

(sắc mệnh chi bảo)

Dịch nghĩa:

Sắc cho Cử nhân Nguyễn Văn Quán, quê ở thôn Bảo Hựu, xã Quan Xá, tổng Quan Trung, huyện Đông Thành, phủ Diễn Châu. Khoa thi Hội trước có số điểm khá. Nay bộ Lại bàn bạc bổ nhiệm và đều đề nghị chuẩn cho ngươi được bổ nhận chức Huấn đạo huyện Yên Định. Phàm việc giảng dạy, khảo khóa cứ theo như lệ mà vâng làm. Nếu bỏ sót công việc đã có phép nước.

Kính thay!

Ngày mồng 2 tháng 8 năm Tự Đức thứ 6 (1853)

(sắc mệnh chi bảo)

Đạo thứ hai:

Phiên âm

An Tĩnh Hộ đốc bộ đường

Vi bằng cấp sự. Tư tiếp Lại bộ tư tự Cử nhân hội thí dự hữu phân số chi Nguyễn Văn Quán bổ thụ Yên Định huyện Huấn đạo, tư kỳ phóng bằng tiền phó tân lị củng chức.

Đẳng nhân hợp hành bằng cấp, nghi tiền vãng Thanh Hóa tỉnh bẩm Tri tỉnh quan, tiện phó tân lị củng chức. [] [] đới tùy tùng giả lục danh, tịnh thính thông hành.
Tu chí bằng cấp giả.
Hữu bằng cấp Yên Định huyện Huấn đạo Nguyễn Văn Quán cứ thử.
Tự Đức lục niên cửu nguyệt thập nhất nhật

Dịch nghĩa :

Hộ đốc bộ đường An Tĩnh
Về việc cấp bằng.
Nay tiếp tư văn của bộ Lại về việc Cử nhân thi hội có phân số điểm khá là Nguyễn Văn Quán được bổ nhận chức Huấn đạo huyện Yên Định, tư văn cấp bằng để đến nhận chức ở lị sở mới. Nhân đó cấp bằng để đến tỉnh Thanh Hóa bẩm với quan Tri tỉnh, (để) tiện việc nhận chức ở lị sở mới. Cấp cho sáu người theo hầu mà thông hành vậy.
Bằng này phải được đến người được cấp bằng.
Bằng trên cấp cho Huấn đạo huyện Yên Định là Nguyễn Văn Quán lấy làm căn cứ mà thi hành.
Ngày 11 tháng 9 năm Tự Đức thứ 6 (1853):

Đạo thứ ba

Phiên âm:

Binh bộ
Vi bằng cấp sự.
Tư tiếp Lại bộ tư tự, thử thứ tân mông bổ thụ Phong Doanh huyện Tri huyện chi nguyên chánh bát phẩm, quyền tòng bản bộ trực tỉnh ti thừa biện Nguyễn Văn Quán, kinh do cai bộ đới lãnh dẫn kiến. Kinh dĩ bái mệnh sự thanh lãnh bằng củng chức, tư sở chiếu biện. Đẳng nhân án lệ, ứng đắc do dịch. Triếp thử hợp hành bằng cấp, thính bát tự thừa An trạm dĩ bắc, mỗi trạm võng phu nhị danh, y thường hành lệ chiếu, thứ chuyển dịch chí Nam Định tỉnh tức chỉ.
Tu chí bằng cấp giả.
Hữu bằng cấp Phong Doanh huyện Tri huyện Nguyễn Văn Quán cứ thử.
Tự Đức thập nhị niên bát nguyệt sơ nhất nhật.
(Binh bộ chi ấn)

Dịch nghĩa:

Bộ Binh

Về việc cấp bằng

Nay tiếp công văn của bộ Lại, đội ân bổ thụ Tri huyện huyện Phong Doanh, nguyên trật chánh bát phẩm quyền tòng Thừa biện trực tỉnh ti bản bộ Nguyễn Văn Quán, đã do cai bộ lãnh dẫn. Nay vâng mệnh xong việc, lãnh bằng nhận chức, nên tư cho để chiếu theo mà làm. Nhân đó theo lệ nên được dùng trạm dịch. Thi hành đúng như bằng cấp, thừa hành theo đó từ trạm Nghệ An ra bắc, mỗi trạm cấp cho hai phu võng (lính khiêng võng) y theo lệ thường mà làm, chuyển trạm dịch đến tỉnh Nam Định thì dừng.

Bằng này phải được đến nơi người được nhận.

Bằng trên cấp cho Tri huyện huyện Phong Doanh là Nguyễn Văn Quán làm căn cứ.

Ngày mồng 1 tháng 8 năm Tự Đức thứ 12 (1859)

(Binh bộ chi ấn)

Đạo thứ 4:

Phiên âm:

Định An tổng đốc Nguyễn

Vi bằng cấp sự

Tiền tiếp Lại bộ tư tự, cai bộ sớ tương Phong Doanh huyện Tri huyện Nguyễn Văn Quán thỉnh thăng thụ đồng Tri phủ sung lãnh Quảng Ninh phủ Tri phủ, khâm phụng chuẩn y tại án, tư tân cấp bằng cai viên tựu chức. Đẳng nhân thử thứ bản tỉnh hiện phương phân sáp tú dân sự thuộc phân phồn; kinh phụng triệp thỉnh cô lưu thừa biện. Tư phân sáp sự thanh, kinh dĩ cấp bằng, tựu đạo nghĩ ứng. Nhân tiện cấp dịch dĩ mẫn hành trình. Hợp hành bằng cấp nghi nhân tiện nhận lãnh bản tỉnh công văn nhất phong nội tự cấp bằng, cai viên phó chức. Tiền vãng Quảng Bình tỉnh bẩm nạp kỳ hành trình, thính bát tự Nam Hoàng trạm dĩ nam, mỗi trạm võng tử nhất cụ, võng phu nhị danh, y thường hành lệ, cứ thứ chuyển dịch, chí cai tỉnh nhi chỉ. Nhưng cụ bẩm tỉnh quan tri chiếu, phó lị củng chức, sở hữu đới tùy đoản đao nhất bả, tòng giả lục danh, tịnh thính thông hành.

Tu chí bằng cấp giả.

Hữu bằng cấp nguyên Phong Doanh huyện Tri huyện, kim thăng thụ Đồng tri phủ sung lãnh Quảng Ninh phủ Tri phủ Nguyễn Văn Quán chấp chiếu.

Tự Đức thập tứ niên thập nguyệt thập bát nhật.

Dịch nghĩa:

Tổng đốc Định An họ Nguyễn

Về việc cấp bằng.

Trước đã tiếp tư sức của bộ Lại, cai bộ có sớ xin cho Nguyễn Văn Quán vốn là Tri huyện huyện Phong Doanh được thăng nhận chức Đồng tri phủ lãnh Tri phủ phủ Quảng Ninh. Kính vâng chuẩn y như tại án, nay cấp bằng cai viên để đến nhận chức. Thứ nữa tình hình bản tỉnh dân sự hiện đương nhiều điều phiền nhiễu. Kính vâng tấu tập xin cho thừa lệnh mà làm. Nay mọi việc xong xuôi nên đã cấp bằng cho đến đó nhận chức, nhân tiện cấp ngựa trạm để hành trình nhanh chóng. Thi hành đúng như bằng cấp nên nhân tiện nhận lĩnh một bản công văn của bản tỉnh trong đó tư sức việc cấp bằng cai tỉnh viên đến nhận chức. Trước đến tỉnh Quảng Bình bẩm nạp. Hành trình từ trạm Nam Hoàng vào nam, mỗi trạm cấp cho một cái võng, hai tên khiêng võng, y như lệ thường mà tiến hành, cứ thứ tự mà chuyển dịch, đến cai tỉnh thì dừng lại. Kính bẩm quan tỉnh soi chiếu, đến lị sở mới mà nhận chức. Vật mang theo có một con dao ngắn, tùy tùng sáu người, cứ vậy mà thông hành.

Bằng này phải được đến người được nhận.

Bằng trên cấp cho nguyên Tri huyện huyện Phong Doanh nay thăng thụ Đồng tri phủ sung lãnh Tri phủ phủ Quảng Ninh là Nguyễn Văn Quán chiếu theo mà thi hành.

Ngày 18 tháng 8 năm Tự Đức thứ 14 (1861)

Đạo thứ 5:

Phiên âm:

Lại bộ

Vi khâm phụng lục chỉ sự

Tư Văn ban đình thần sớ tương đồng tri phủ lãnh Quảng Ninh phủ tri phủ Nguyễn Văn Quán thỉnh cải thụ chánh lục phẩm, quyền lãnh Nam Trực đạo Giám sát ngự sử. Đẳng nhân khâm phụng chỉ chuẩn tại án. Triếp thử cung lục phát giao chấp chiếu, tuân phụng củng chức.

Tu chí cung lục giả.

Hữu cung lục chánh lục phẩm quyền lãnh Nam Trực đạo Giám sát ngự sử Nguyễn Văn Quán chấp chiếu.

Tự Đức thập lục niên ngũ nguyệt nhị thập ngũ nhật

(Lại bộ chi ấn)

Dịch nghĩa :

Bộ Lại

Về việc kính vâng chỉ chuẩn.

Nay đình thần ở ban Văn dâng sớ xin cho đồng tri phủ lãnh Tri phủ phủ Quảng Ninh là Nguyễn Văn Quán đổi nhận trật chánh lục phẩm quyền lãnh Giám sát ngự sự đạo Nam Trực. Nhân đó khâm phụng chỉ chuẩn như ở án nghị. Thi hành như cung lục, phát giao cho (để) chiếu đó mà tuân theo để nhận chức.

Cung lục này phải được đến nơi người được nhận.

Cung lục trên giao cho chánh lục phẩm quyền Giám sát ngự sử đạo Nam Trực Nguyễn Văn Quán chiếu theo mà thi hành.

Ngày 25 tháng 5 năm Tự Đức thứ 16 (1863)

(Lại bộ chi ấn)

Đạo thứ 6:

Phiên âm:

Lại bộ

Vi khâm phụng lục chỉ sự

Tư khâm phụng sắc nội nhất khoản Công bộ Quy chế ti Lang trung chi khuyết, trứ dĩ Nguyễn Văn Quán cải thụ Viên ngoại lang quyền sung lãnh khâm thử khâm tuân. Triếp thử cung lục phát giao chấp chiếu tuân phụng củng chức.

Tu chí cung lục giả (Lại bộ)

Hữu cung lục Viên ngoại lang quyền lãnh Công bộ Quy chế ti Lang trung Nguyễn Văn Quán chấp chiếu (Lại bộ).

Tự Đức thập thất niên tứ nguyệt thập thất nhật

(Lại bộ chi ấn)

Dịch nghĩa:

Bộ Lại

Về việc khâm phụng lục chỉ

Nay khâm vâng sắc nội nhất khoản, chức Lang trung ti Quy chế ở bộ Công còn khuyết trống, nên lấy Nguyễn Văn Quán đổi nhận Viên ngoại lang tạm sung lãnh vào chỗ khuyết đó, hảy kính noi theo. Thi hành đúng như cung lục, phát cho văn bản này để chiếu theo đó mà thi hành, kính tuân nhận chức.

Cung lục này phải đến được người được nhận (bộ Lại)

Cung lục trên cấp cho Viên ngoại lang quyền lãnh Lang trung ti Quy chế bộ Công là Nguyễn Văn Quán chiếu theo đó mà thi hành (bộ Lại)

Ngày 17 tháng 4 năm Tự Đức thứ 17 (1864)

(Lại bộ chi ấn)

Đạo thứ 7:

Phiên âm:

Lại bộ

Vi khâm phụng lục chỉ sự

Tư bản bộ triệp tương nguyên Công bộ Quy chế ti Viên ngoại lang lãnh Lang trung đinh gian chung chế sự thanh, sĩ bổ Nguyễn Văn Quán án bổ Viên ngoại lang lãnh Binh bộ trực tỉnh ti Lang trung. Đẳng nhân khâm phụng chuẩn cứu tại án. Triếp thử cung lục phát giao chấp chiếu, tuân phụng củng chức.

Tu chí cung lục giả.

Hữu cung lục Viên ngoại lang lãnh Binh bộ trực tỉnh ti Lang trung Nguyễn Văn Quán chấp chiếu.

Tự Đức nhị thập nhị niên nhị nguyệt thập thất nhật.

(Lại bộ chi ấn)

Dịch nghĩa:

Bộ Lại

Về việc kính vâng lục chỉ

Nay bản bộ có tập tâu Nguyễn Văn Quán vốn lãnh Lang trung Viên ngoại lang ti Quy chế bộ Công việc cư tang đã xong, đang chờ bổ nhiệm. Nay bổ nhiệm Nguyễn Văn Quán được nhận lãnh chức Viên ngoại lang lãnh Lang trung ti Trực tỉnh thuộc bộ Binh. Nhân đó khâm phụng chỉ chuẩn như tại án. Làm đúng như cung lục, phát giao để chiếu theo mà thi hành, tuân theo nhận chức.

Cung lục này phải được đến nơi người được nhận.

Cung lục trên cấp cho Viên ngoại lang lãnh Lang trung ti Trực tỉnh thuộc bộ Binh Nguyễn Văn Quán chiếu theo mà thi hành.

Ngày 17 tháng 2 năm Tự Đức thứ 22 (1869)

(Lại bộ chi ấn)

Đạo thứ 8:

Phiên âm:

Sắc Lễ bộ Nhân tự ti viên ngoại lang lãnh Lang trung Nguyễn Văn Quán, trứ chuẩn nhĩ thăng thụ Cai ti lang trung, suất bản ti viên nhân tòng cai bộ đường quan phụng hành công vụ. Nhược phất thận du ti minh chương cụ tại.

Khâm tai!

Tự Đức nhị thập tứ niên chính nguyệt thập ngũ nhật

(sắc mệnh chi bảo)

Dịch nghĩa:

Sắc cho Nguyễn Văn Quán lãnh Lang trung viên ngoại lang ti Nhân tự bộ Lễ, trứ chuẩn cho ngươi được thăng nhận lang trung Cai ti, suất nhân viên ở bản ti, theo các quan cai bộ đường phụng hành công vụ. Nếu (làm việc) không cẩn thận đã có chường điều của bản ti.

Kính thay!

Ngày 15 tháng giêng năm Tự Đức thứ 24 (1871)

(sắc mệnh chi bảo)

Đạo thứ 9:

Phiên âm:

Lại bộ

Vi khâm phụng lục chỉ sự

Tư khâm phụng thượng dụ nội nhất khoản, Lễ bộ Nhân tự ti Lang trung Nguyễn Văn Quán trứ cải thụ Hồng lô tự khanh Biện lý Hình bộ sự vụ. Đẳng nhân khâm thử khâm tuân. Triếp thử cung lục, khâm giao chấp chiếu, tuân phụng củng chức.

Tu chí cung lục giả (Lại bộ)

Hữu cung lục Hồng lô tự khanh Biện lý Hình bộ sự vụ Nguyễn chấp chiếu (Lại bộ)

Tự Đức nhị thập tứ niên ngũ nguyệt nhị thập nhất nhật

(Lại bộ chi ấn)

Dịch nghĩa:

Bộ Lại

Về việc khâm phụng lục chỉ

Nay kính phụng khoản nhất trong thượng dụ, Lang trung ti Nhân tự bộ Lễ là Nguyễn Văn Quán được đổi nhận hàm Hồng lô tự khanh chức Biện lý bộ Hình sự vụ. Nhân đó mà kính noi theo. Thi hành đúng như cung lục, giao cho cung lục này theo đó mà thi hành, kính tuân theo mà nhận chức.

Cung lục này phải đến được người được cấp (bộ Lại)

Cung lục trên cấp cho Hồng lô tự khanh Biện lý bộ Hình sự vụ họ Nguyễn theo đó mà thi hành. (bộ Lại)

Ngày 21 tháng 5 năm Tự Đức thứ 24 (1871)

(Lại bộ chi ấn)

Đạo thứ 10:

Phiên âm:

Lại bộ

Vi khâm phụng lục chỉ sự

Tư khâm phụng thượng dụ nội nhất khoản. Lễ bộ Nhân tự ti lang trung Nguyễn Văn Quán trứ cải thụ Hồng lô tự khanh Biện lý Hình bộ sự vụ. Đẳng nhân khâm thử khâm tuân. Triếp thử cung lục khâm giao chấp chiếu, tuân phụng củng chức.

Tu chí cung lục giả.

Hữu cung lục Hồng lô tự khanh Biện lý hình bộ sự vụ Nguyễn chấp chiếu.

Tự Đức nhị thập tứ niên ngũ nguyệt nhị thập nhất nhật

(Lại bộ chi ấn)

Biện lý Công bộ Nguyễn phụng sao.

Dịch nghĩa:

Bộ Lại

Về việc khâm phụng lục chỉ

Nay kính phụng khoản nhất trong thượng dụ, Lang trung ti Nhân tự bộ Lễ là Nguyễn Văn Quán được đổi nhận hàm Hồng lô tự khanh chức Biện lý bộ Hình sự vụ. Nhân đó mà kính noi theo. Thi hành đúng như cung lục, giao cho cung lục này theo đó mà thi hành, kính tuân theo mà nhận chức.

Cung lục này phải đến được người được cấp.

Cung lục trên cấp cho Hồng lô tự khanh Biện lý bộ Hình sự vụ họ Nguyễn theo đó mà thi hành.

Ngày 21 tháng 5 năm Tự Đức thứ 24 (1871)

(Lại bộ chi ấn)

Biện lý bộ Công họ Nguyễn kính sao.

Đạo thứ 11:

Phiên âm:

Lại bộ

Vi khâm phụng lục chỉ sự

Tư khâm phụng dụ chuẩn nội nhất khoản, Hồng lô tự khanh Biện lý Hình bộ Nguyễn Văn Quán cải Biện lý Công bộ Hồng lô tự khanh khâm thử khâm tuân. Triếp thử cung lục, khâm giao chấp chiếu, tuân phụng củng chức.

Tu chí cung lục giả

Hữu cung lục Hồng lô tự khanh Biện lý Công bộ Nguyễn chấp chiếu.

Tự Đức nhị thập ngũ niên chính nguyệt sơ lục nhật

(Lại bộ chi ấn)

Biện lý Công bộ Nguyễn phụng sao.

Dịch nghĩa :

Bộ Lại

Về việc khâm phụng lục chỉ

Nay kính vâng khoản nhất trong dụ chuẩn, Hồng lô tự khanh Biện Lý bộ Hình Nguyễn Văn Quán đổi làm Biện lý bộ Công (Hồng lô tự thiếu khanh) kính noi theo. Thi hành đúng như cung lục, cấp cho cung lục này để theo đó mà thi hành, kính tuân theo mà nhận chức.

Cung lục này phải được đến người được cấp.

Cung lục trên cấp cho Hồng lô tự thiếu khanh Biện lý bộ Công họ Nguyễn theo đó mà thi hành.

Ngày mồng 6 tháng giêng năm Tự Đức thứ 25 (1872)

(Lại bộ chi ấn)

Biện lý bộ Công họ Nguyễn kính sao.

Đạo thứ 12:

Phiên âm:

Thừa thiên hưng vận, hoàng đế chế viết: trẫm duy thần tử chí thân chi nghĩa, tư sự phụ dĩ sự quân. Triều đình tích loại chi ân, ngụ khuyến trung vu khuyến hiếu. Quỹ lễ chi xứng, duyên tình nhi thôi. Nhĩ cố Nguyễn Văn Hiến nãi Hồng lô tự khanh Biện lý Công bộ Nguyễn Văn Quán chi phụ, hoàn thử bỉnh phẩn thực hồ, cựu đức xử gia, lạc vu thiện sự, ái tử giáo dĩ nghĩa phương, tứ dư khánh chi sở chung, hữu ứng tiết chi năng sĩ. Nghi gia hiển hiệu, dụng phát u quang, khả tặng vi Phụng Thành đại phu Hàn lâm viện thị độc, thụy Đoan Trực, tích chi cáo mệnh.

Ô hô! Khắc hưởng kỳ long, ký hữu quang vu tuyền nhượng, thượng đốc kỳ khánh, dĩ trường hà vu quốc ân, ý quyết tiềm linh phục thử hưu mệnh.

Tự Đức nhị thập ngũ niên lục nguyệt sơ lục nhật.

(sắc mệnh chi bảo)

Dịch nghĩa:

Vâng trời dấy vận, hoàng đế chế rằng: trẫm nghĩ thần tử hết thân làm việc nghĩa, lấy lòng kính trọng thờ cha để thờ vua. Triều đình theo đó mà ban cho ân điển, ngụ ý khuyến khích lòng trung thành trong khuyến hiếu thảo. Xứng với điển lễ, hợp lẽ Hồng lô tự khanh Biện lý bộ Công Nguyễn Văn Quán, nết đức xử gia, vui với điều thiện, yêu con lấy nghĩa phương dạy bảo, cho nên phúc lành hun đúc, có duyên tình. Ngươi, cố Nguyễn Văn Hiến là cha của thể làm nên bậc sĩ. Nên làm rạng tỏ thêm danh hiệu, tỏa sáng nơi u minh, có thể tặng là: Phụng Thành đại phu Hàn lâm viện thị độc, thụy là Đoan Trực, ban cho cáo mệnh.

Than ôi! Được hưởng ân điển, đã sáng nơi tuyền đài, trước nêu phúc tốt để tỏ rõ quốc ân, hồn thiêng thấu tỏ, nhận lấy mệnh này!

Ngày mồng 6 tháng 6 năm Tự Đức thứ 25 (1872)

(sắc mệnh chi bảo)

*** Danh sách những người đỗ đạt trong dòng họ Nguyễn Văn đại tôn từ năm 1918 trở về trước[32].**

1. Nguyễn Thiện Đạo - Đậu Sinh đồ, Triều đại Hậu Lê
2. Nguyễn Quang Minh - Đậu Sinh đồ, Triều đại Hậu Lê
3. Nguyễn Sĩ Dũng - Đậu Sinh đồ, Triều đại Hậu Lê
4. Nguyễn Viết Thuyên - Đậu Sinh đồ, Triều đại Hậu Lê
5. Nguyễn Văn Sĩ - Đậu Sinh đồ, Triều đại Hậu Lê
6. Nguyễn Viết Hưng - Đậu Sinh đồ, Triều đại Hậu Lê
7. Nguyễn Viết Đồng - Đậu Sinh đồ, Triều đại Hậu Lê
8. Nguyễn Viết Thuỵ - Đậu Sinh đồ, Triều đại Hậu Lê
9. Nguyễn Minh Mẫn - Đậu Sinh đồ, Triều đại Hậu Lê
10. Nguyễn Nhạ Thực - Đậu Sinh đồ, Triều đại Hậu Lê
11. Nguyễn Viết Long - Đậu Sinh đồ, Triều đại Hậu Lê
12. Nguyễn Thanh Khiết - Đậu Sinh đồ, Triều đại Hậu Lê
13. Nguyễn Trọng Viên - Đậu Sinh đồ, Triều đại Hậu Lê
14. Nguyễn Văn Quán - Đậu Tú tài năm Bính Ngọ, tái khoa giải ngạch năm Canh Tuất (1850). Làm quan Ngự sử, dưới thời Tự Đức được phong chức: Hồng lô tự khanh, biện lý binh bộ.

[32] Sơ thảo "Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Long Thành", Nxb VHTT 2012, trang 190.